

Số: 21/2024/QĐST-DS

Hà Tiên, ngày 04 tháng 7 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 26 tháng 6 năm 2024 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 56/2024/TLST-DS ngày 17 tháng 5 năm 2024.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn:

- Bà Phạm Thị L, sinh năm 1956.
- Ông Trần Minh T, sinh năm 1986.
- Ông Trần Minh Đ, sinh năm 1987.
- Ông Trần Minh T1, sinh năm 1988.

Cùng địa chỉ: Tổ B, ấp N, xã T, thành phố H, tỉnh Kiên Giang.

- Ông Trần Công C, sinh năm 1985. Địa chỉ: Ấp Cái Đ, xã N, huyện P, tỉnh Cà Mau.

Bị đơn:

- Ông Nguyễn Hoàng M, sinh năm 1965.
- Bà Phan Thị D, sinh năm 1963.

Cùng địa chỉ: Ấp N, xã T, thành phố H, tỉnh Kiên Giang;

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Bà Phạm Thị L, ông Trần Minh T, ông Trần Minh Đ, ông Trần Minh T1, ông Trần Công C yêu cầu yêu cầu ông Nguyễn Hoàng M, bà Phan Thị D phải trả số tiền còn nợ là 25.000.000 đồng (hai mươi lăm triệu đồng).

Ông Nguyễn Hoàng M, bà Phan Thị D thừa nhận còn nợ bà Phạm Thị L, ông Trần Minh T, ông Trần Minh Đ, ông Trần Minh T1, ông Trần Công C số tiền 25.000.000 đồng (hai mươi lăm triệu đồng).

Thời hạn và phương thức thanh toán như sau: Số tiền 25.000.000 đồng nguyên đơn đồng ý để ông Nguyễn Hoàng M, bà Phan Thị D trả cho nguyên đơn nhiều lần, mỗi lần trả 1.000.000 đồng (Một triệu đồng)/tháng, thực hiện vào ngày 15 hàng tháng, bắt đầu thi hành vào ngày 15/7/2024 cho đến khi dứt nợ. Nếu ông M, bà D không thực hiện đúng cam kết bất cứ kỳ trả nợ nào thì các nguyên đơn có quyền yêu cầu thi hành hết khoản nợ còn lại.

Kể từ ngày, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành, nếu người phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ số tiền phải thanh toán thì còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Về án phí: Áp dụng Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Ông Nguyễn Hoàng M, bà Phan Thị D tự nguyện chịu hoàn toàn án phí dân sự sơ thẩm số tiền 625.000 đồng (Sáu trăm hai mươi lăm nghìn đồng), mỗi người chịu một nửa là 312.500 đồng, do bà D là người cao tuổi thuộc trường hợp được miễn tiền án phí nên ông M phải nộp số tiền án phí là 312.500 đồng

Trả lại ông Trần Công C, ông Trần Minh T, ông Trần Minh Đ, ông Trần Minh T1 tiền tạm ứng án phí đã nộp số tiền 1.260.000 đồng (Một triệu hai trăm sáu mươi nghìn đồng) theo biên lai thu số 0001993 ngày 16/5/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

THẨM PHÁN

Trần Đình Đ1